

Số: 1666 /QĐ - BNV

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý hoạt động
khoa học, công nghệ của Bộ Nội vụ**

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ số 21/2000-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 201/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ quy định về ban hành Quy chế quản lý hoạt động khoa học xã hội và nhân văn;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Khoa học tổ chức nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý hoạt động khoa học, công nghệ của Bộ Nội vụ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Viện trưởng Viện Khoa học tổ chức nhà nước, Chánh Văn phòng Bộ, thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

—mant

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ;
- Lưu: VT, VKH.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Văn Tất Thu
Văn Tất Thu

QUY CHẾ

Quản lý hoạt động khoa học, công nghệ của Bộ Nội vụ
(Ban hành kèm theo Quyết định số. 1666/QĐ-BNV
ngày. 04. tháng 11. năm 2009 của Bộ Nội vụ)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Quy chế này quy định việc quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ cấp Bộ của Bộ Nội vụ có sử dụng ngân sách nhà nước hoặc từ các nguồn khác.

2. Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý và thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ cấp Bộ của Bộ Nội vụ.

3. Các nhiệm vụ khoa học, công nghệ cấp nhà nước thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Khoa học và Công nghệ. Viện Khoa học tổ chức nhà nước giúp Bộ trưởng Bộ Nội vụ theo dõi việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ cấp Nhà nước do các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ thực hiện.

Điều 2. Các loại nhiệm vụ khoa học, công nghệ

1. Các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ.
2. Các dự án điều tra theo sự phân công của lãnh đạo Bộ.
3. Các chuyên đề nghiên cứu khoa học.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý hoạt động khoa học, công nghệ

1. Bảo đảm quản lý thống nhất hoạt động khoa học, công nghệ, Viện Khoa học tổ chức nhà nước là đầu mối có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Nội vụ quản lý hoạt động khoa học, công nghệ của Bộ theo Quy chế này.

2. Hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ phải bám sát, phục vụ kịp thời, có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị, xây dựng chiến lược, cơ chế, chính sách thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

3. Tôn trọng và bảo đảm quyền chủ động, phát huy khả năng sáng tạo và nâng cao trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân thuộc Bộ trong hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ.

4. Kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu cơ bản, giữa nghiên cứu tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận.

5. Căn đối các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và điều kiện thực hiện nhiệm vụ nhằm phát triển các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, công nghệ thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ.

Điều 4. Tài chính cho hoạt động khoa học, công nghệ

1. Nguồn tài chính cho hoạt động khoa học, công nghệ bao gồm:

a) Nguồn ngân sách nhà nước đầu tư trực tiếp cho hoạt động khoa học, công nghệ được bố trí trong kế hoạch ngân sách hàng năm hoặc trong dự án kinh tế - xã hội của Bộ Nội vụ;

b) Các nguồn tài chính khác: kinh phí tự có của các tổ chức, cá nhân; tài trợ trực tiếp từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; kinh phí dành cho hoạt động khoa học, công nghệ thuộc các dự án kinh tế, xã hội không sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Việc sử dụng kinh phí cho nghiên cứu khoa học, công nghệ phải tuân thủ đúng các quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, phù hợp với mục tiêu của nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ được giao.

Chương II

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ ĐỀ XUẤT

NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ

Điều 5. Xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ

Căn cứ vào phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học, công nghệ của Chính phủ, nhu cầu thực tiễn từ hoạt động quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học tổ chức nhà nước xây dựng, trình Bộ trưởng ký ban hành kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ 5 năm và hàng năm của Bộ.

Điều 6. Đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ

1. Các tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ Nội vụ có trách nhiệm đề xuất các nhiệm vụ khoa học, công nghệ. Cán bộ, công chức, viên chức đăng ký chủ nhiệm chương trình, đề tài, dự án điều tra phải có trình độ chuyên môn,

nghiệp vụ trên đại học hoặc giữ vị trí quản lý từ cấp phòng trở lên, có ít nhất 5 năm công tác trong lĩnh vực liên quan đến nội dung nghiên cứu. Các cán bộ, công chức, viên chức làm chủ nhiệm chương trình, đề tài khoa học cấp Bộ chưa nghiệm thu cơ sở thì chưa bổ nhiệm và giao làm chủ nhiệm đề tài mới.

2. Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ do đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức đề xuất phải phù hợp với định hướng, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ của ngành, phục vụ yêu cầu lãnh đạo và thực tiễn hoạt động quản lý nhà nước của Bộ, phù hợp với điều kiện phân bổ ngân sách cho hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 7. Mã số của nhiệm vụ khoa học, công nghệ

1. Mã số của các nhiệm vụ khoa học, công nghệ được ghi như sau:

- a) Mã số của chương trình khoa học cấp Bộ: CT.XX/YY;
- b) Mã số của đề tài khoa học cấp Bộ: ĐT.XX/YY;
- c) Mã số của dự án khoa học, công nghệ: DA.XX/YY;
- d) Mã số của chuyên đề nghiên cứu khoa học: CD.XX/YY.

Trong đó: XX là nhóm 2 chữ số, ghi số thứ tự của chương trình, đề tài, dự án, chuyên đề thực hiện trong năm; YY là nhóm 2 chữ số ghi 2 chữ số cuối của năm thực hiện.

2. Mã số của chương trình, đề tài khoa học cấp Bộ, dự án khoa học, công nghệ do Bộ trưởng Bộ Nội vụ cấp. Mã số của chuyên đề nghiên cứu khoa học do Viện trưởng Viện Khoa học tổ chức nhà nước cấp.

Chương III

TỔ CHỨC TRIỂN KHAI NGHIÊN CỨU

VÀ QUẢN LÝ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ

Điều 8. Phương thức giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ

1. Các nhiệm vụ khoa học, công nghệ thuộc bí mật quốc gia, hoặc có nội dung phức tạp, nhạy cảm được thực hiện theo phương thức giao trực tiếp. Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định giao các đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức có đủ điều kiện chủ trì và trực tiếp quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ này.

2. Ngoài các nhiệm vụ khoa học, công nghệ quy định tại khoản 1 của Điều này, việc lựa chọn tổ chức hoặc cán bộ, công chức, viên chức chủ trì thực hiện đều phải thông qua tuyển chọn theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này.

Điều 9. Quy trình tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ

1. Sau khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học hàng năm, Viện Khoa học tổ chức nhà nước báo cáo lãnh đạo Bộ, có văn bản thông báo đến các đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức trong Bộ về các định hướng ưu tiên nghiên cứu, đề nghị các đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức lựa chọn, xác định và đề xuất nhiệm vụ nghiên cứu. Báo đăng ký xin tuyển chọn nhiệm vụ khoa học, công nghệ của các tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức phải nêu rõ sự cần thiết, mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu và gửi về Viện Khoa học tổ chức nhà nước theo đúng thời gian quy định.

2. Viện Khoa học tổ chức nhà nước có trách nhiệm tổng hợp các đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ của các đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ; trên cơ sở đó tham mưu, đề xuất danh mục các nhiệm vụ khoa học, công nghệ cấp Bộ để trình Hội đồng khoa học Bộ cho ý kiến.

3. Đối với những chương trình, đề tài được Hội đồng khoa học Bộ phê duyệt, cán bộ, công chức, viên chức đăng ký chủ nhiệm phải chuẩn bị đề cương, thuyết minh theo mẫu của Viện Khoa học tổ chức nhà nước để bảo vệ trước Hội đồng xét duyệt đề cương.

4. Viện Khoa học tổ chức nhà nước thành lập Hội đồng xét duyệt đề cương chương trình, đề tài khoa học, công nghệ cấp Bộ. Hội đồng có từ 7 đến 9 thành viên, bao gồm các nhà quản lý, các nhà khoa học, đại diện cơ quan dự kiến áp dụng kết quả nghiên cứu.

5. Sau khi tiếp thu ý kiến của Hội đồng xét duyệt đề cương, Viện Khoa học tổ chức nhà nước xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký Quyết định bổ nhiệm chủ nhiệm chương trình, đề tài, dự án điều tra cấp Bộ. Viện trưởng Viện Khoa học tổ chức nhà nước phê duyệt danh mục các chuyên đề nghiên cứu khoa học, ký Quyết định bổ nhiệm chủ nhiệm chuyên đề nghiên cứu khoa học.

6. Viện trưởng Viện Khoa học tổ chức nhà nước có trách nhiệm ký hợp đồng nghiên cứu khoa học với cán bộ, công chức, viên chức được giao chủ nhiệm chương trình, đề tài, dự án điều tra cấp Bộ và chuyên đề nghiên cứu khoa học.

7. Viện Khoa học tổ chức nhà nước có trách nhiệm tổ chức đầu thầu các nhiệm vụ khoa học, công nghệ phục vụ cho công tác quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ mà không có đơn vị nào đăng ký hoặc cán bộ, công chức, viên chức đăng ký chủ nhiệm không bảo vệ thành công đề cương trước Hội đồng xét duyệt đề cương.

Điều 10. Quyết định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

Căn cứ mục đích, yêu cầu, nội dung chi tiết, khối lượng công việc cụ thể của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và ý kiến tư vấn của Hội đồng khoa học Bộ, Viện Khoa học tổ chức nhà nước phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính đề xuất số lượng và nguồn kinh phí hợp lý cho việc thực hiện từng nhiệm vụ khoa học, công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định.

Điều 11. Hợp đồng nghiên cứu khoa học, công nghệ

1. Các nhiệm vụ khoa học, công nghệ được thực hiện thông qua hợp đồng nghiên cứu khoa học, công nghệ. Hợp đồng nghiên cứu khoa học, công nghệ được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, đúng pháp luật và lập thành văn bản.

2. Nội dung và hình thức của hợp đồng nghiên cứu khoa học, công nghệ phải tuân theo các quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, các quy định tại các Điều 26, 27, 28, 29 và 30 của Nghị định 81/2002/NĐ-CP.

Điều 12. Kiểm tra đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ

1. Trước ngày 30 tháng 6 và 30 tháng 12 hằng năm, chủ nhiệm có trách nhiệm gửi báo cáo tiến độ triển khai nghiên cứu và tình hình chi tiêu tài chính về Viện Khoa học tổ chức nhà nước.

2. Viện Khoa học tổ chức nhà nước có trách nhiệm tiến hành kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ về nội dung nghiên cứu, tiến độ thực hiện và việc sử dụng kinh phí. Trong trường hợp cần thiết có thể kiến nghị Hội đồng khoa học Bộ cho phép điều chỉnh nội dung nghiên cứu cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

3. Trong trường hợp chủ nhiệm không hoàn thành công việc đúng tiến độ mà không có lý do chính đáng, chưa báo cáo quyết toán số kinh phí đã nhận theo đúng chế độ hiện hành, Viện Khoa học tổ chức nhà nước có thể kiến nghị Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định tạm dừng việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và có biện pháp xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ

Điều 13. Nguyên tắc đánh giá, nghiệm thu

1. Chương trình, đề tài khoa học cấp Bộ được đánh giá, nghiệm thu qua hai bước: nghiệm thu cấp cơ sở và nghiệm thu cấp Bộ. Các dự án điều tra và chuyên đề nghiên cứu khoa học được đánh giá, nghiệm thu ở cấp Bộ.

2. Việc đánh giá, nghiệm thu phải căn cứ vào thuyết minh, biên bản xét duyệt đề cương và hợp đồng nghiên cứu khoa học, công nghệ đã được ký kết.

Điều 14. Đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở

1. Điều kiện đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở:

a) Chủ nhiệm chương trình, đề tài khoa học cấp Bộ đã hoàn thành các nội dung công việc chủ yếu được ghi trong thuyết minh chương trình, đề tài;

b) Về nội dung, sản phẩm nghiên cứu phải đáp ứng đúng yêu cầu của thuyết minh chương trình, đề tài, biên bản xét duyệt đề cương và hợp đồng nghiên cứu khoa học, công nghệ đã ký kết;

c) Về hình thức, báo cáo tổng quan kết quả nghiên cứu phải đạt dung lượng từ 80 trang A4 trở lên, khoảng cách giữa các dòng là Multiple 1.3, bao gồm các mục: phần mở đầu, các chương, kiến nghị, kết luận, mục lục, danh mục tài liệu tham khảo và các thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (ngoài chủ nhiệm và thư ký đề tài, số thành viên tham gia quy định không quá 5 người).

2. Viện trưởng Viện Khoa học tổ chức nhà nước quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở. Thành phần tham gia nghiệm thu cấp cơ sở bao gồm: đại diện lãnh đạo đơn vị chủ trì, đại diện lãnh đạo Viện Khoa học tổ chức nhà nước, các cán bộ quản lý và các nhà khoa học có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu.

3. Chủ nhiệm chương trình, đề tài khoa học, công nghệ có nhiệm vụ tổ chức và đảm bảo kinh phí từ nguồn được cấp cho việc đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở.

4. Phiên họp hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở được tiến hành khi ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng có mặt tại phiên họp và phải có ý kiến nhận xét bằng văn bản của 2 thành viên phản biện.

5. Chương trình, đề tài khoa học cấp Bộ được đánh giá cấp cơ sở theo những nội dung sau:

a) Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng các sản phẩm chính theo yêu cầu của hợp đồng đã ký kết;

b) Cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, tính đại diện, độ tin cậy, cập nhật của các số liệu, tư liệu;

c) Tính trung thực của kết quả nghiên cứu;

d) Giá trị khoa học của đề tài (phát hiện ra những vấn đề mới, đóng góp mới vào việc phát triển quan điểm, lý luận hiện có);

đ) Ý nghĩa thực tiễn của đề tài (đóng góp vào việc xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ, ngành).

6. Chương trình, đề tài khoa học cấp Bộ được đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở theo hai mức: “Đủ điều kiện nghiệm thu cấp Bộ” và “Chưa đủ điều kiện nghiệm thu cấp Bộ”.

a) Chương trình, đề tài khoa học cấp Bộ được xếp loại ở mức “Đủ điều kiện nghiệm thu cấp Bộ” nếu đáp ứng được các nội dung đánh giá quy định tại khoản 5 Điều này và được ít nhất 3/4 số thành viên hội đồng có mặt tại phiên họp bỏ phiếu xếp loại “Đủ điều kiện nghiệm thu cấp Bộ”;

b) Chương trình, đề tài khoa học cấp Bộ được xếp loại ở mức “Không đủ điều kiện nghiệm thu cấp Bộ” nếu không đáp ứng được các nội dung đánh giá quy định tại khoản 5 Điều này.

7. Đối với những chương trình, đề tài khoa học cấp Bộ được xếp loại ở mức “Đủ điều kiện nghiệm thu cấp Bộ”, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có kết luận của hội đồng, chủ nhiệm và đơn vị chủ trì hoàn thiện kết quả nghiên cứu và gửi về Viện Khoa học tổ chức nhà nước bộ hồ sơ đề nghị nghiệm thu cấp Bộ để tổ chức nghiệm thu theo quy định. Đối với những chương trình, đề tài khoa học cấp Bộ được xếp loại ở mức “Chưa đủ điều kiện nghiệm thu cấp Bộ”, hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở phải kiến nghị rõ chương trình, đề tài được tiếp tục hoàn thiện hay bị đình chỉ thực hiện. Đối với những chương trình, đề tài được yêu cầu tiếp tục hoàn thiện, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có kết luận của Hội đồng, chủ nhiệm phải hoàn thiện kết quả nghiên cứu và làm lại thủ tục từ đầu để đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở. Đối với những chương trình, đề tài bị đình chỉ thực hiện Viện Khoa học tổ chức nhà nước thành lập Hội đồng thanh lý theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 15. Đánh giá, nghiệm thu cấp Bộ

1. Hồ sơ đề nghị nghiệm thu, đánh giá cấp Bộ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị nghiệm thu của chủ nhiệm gửi Viện Khoa học tổ chức nhà nước;

b) Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo tóm tắt, báo cáo kiến nghị (số lượng do Viện Khoa học tổ chức nhà nước quy định);

c) Các sản phẩm khoa học trung gian (tổng hợp số liệu thống kê, điều tra, khảo sát, kỹ yếu hội thảo khoa học, báo cáo nhánh và chuyên đề);

d) Các báo cáo định kỳ hoặc báo cáo tiến độ;

đ) Biên bản nghiệm thu cấp cơ sở (đối với chương trình, đề tài khoa học cấp Bộ).

2. Hội đồng nghiệm thu chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ và dự án khoa học, công nghệ của Bộ do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký quyết định thành lập theo đề nghị của Viện trưởng Viện Khoa học tổ chức nhà nước. Hội đồng nghiệm thu

chuyên đề nghiên cứu khoa học do Viện trưởng Viện Khoa học tổ chức nhà nước ký quyết định thành lập theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý khoa học của Viện.

3. Hội đồng nghiệm thu chương trình, đề tài, dự án khoa học, công nghệ cấp Bộ có từ 7 đến 9 thành viên. Hội đồng nghiệm thu chuyên đề nghiên cứu khoa học có từ 5 đến 7 thành viên. Hội đồng nghiệm thu bao gồm 01 chủ tịch, 02 thành viên là phản biện, 01 thành viên kiêm thư ký và các thành viên khác. Các thành viên hội đồng là những người đại diện cho các cơ quan quản lý nhà nước, các nhà khoa học, các chuyên gia có uy tín, có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu về lĩnh vực khoa học, công nghệ liên quan đến chương trình, đề tài nghiệm thu, đánh giá. Những người đã tham gia thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học không được tham gia Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ nghiên cứu khoa học đó.

4. Hội đồng nghiệm thu làm việc theo nguyên tắc dân chủ, công khai. Các thành viên Hội đồng có ý kiến nhận xét (2 thành viên phản biện phải có ý kiến nhận xét bằng văn bản), bỏ phiếu đánh giá, xếp loại và phải chịu trách nhiệm về ý kiến của mình.

Điều 16. Phiên họp đánh giá, nghiệm thu cấp Bộ

1. Phiên họp đánh giá, nghiệm thu được tiến hành khi:

- a) Hồ sơ nghiệm thu kết quả nghiên cứu đầy đủ và hợp lệ;
- b) Có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng nghiệm thu có mặt;
- c) Có ý kiến nhận xét bằng văn bản của 2 thành viên phản biện.

2. Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ dựa trên các tiêu chuẩn và thang điểm 100 như sau:

a) Về phương pháp nghiên cứu, tối đa 10 điểm cho các nội dung: cách tiếp cận, việc sử dụng các phương pháp khoa học trong nghiên cứu, điều tra, khảo sát;

b) Về giá trị khoa học của kết quả nghiên cứu, tối đa 60 điểm cho các nội dung: mức độ đạt mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu và các yêu cầu về sản phẩm đã cam kết trong hợp đồng được thể hiện qua báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo tóm tắt và bản kiến nghị; độ tin cậy, tính cập nhật, phong phú của hệ thống tài liệu đã sử dụng và các số liệu đã điều tra, thu thập; những điểm mới đạt được trong kết quả nghiên cứu;

c) Về giá trị thực tiễn của kết quả nghiên cứu, tối đa 20 điểm cho các nội dung: khả năng ứng dụng, sử dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn, phục vụ cho việc hoạch định đường lối, chính sách, đóng góp vào việc phát triển khoa học;

d) Về tổ chức thực hiện, tối đa 10 điểm cho các nội dung: tiến độ thực hiện, thời hạn hoàn thành so với hợp đồng đã đăng ký và huy động, sử dụng lực lượng nghiên cứu.

3. Xếp loại nhiệm vụ khoa học, công nghệ

a) Điểm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ là điểm trung bình tính trong tổng số các phiếu hợp lệ;

b) Căn cứ vào điểm đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, việc xếp loại thực hiện như sau:

- Đề tài xếp loại xuất sắc nếu đạt điểm trung bình từ 90 điểm trở lên;
- Đề tài xếp loại khá nếu đạt điểm trung bình từ 70 đến dưới 90 điểm;
- Đề tài xếp loại trung bình nếu đạt điểm trung bình từ 50 đến dưới 70 điểm;
- Đề tài xếp loại không đạt nếu điểm trung bình dưới 50 điểm;

c) Đối với các nhiệm vụ xếp loại từ mức trung bình trở lên, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tổ chức nghiệm thu, chủ nhiệm tiến hành sửa chữa, hoàn thiện kết quả nghiên cứu theo góp ý của Hội đồng nghiệm thu và nộp lại cho Viện Khoa học tổ chức nhà nước. Trên cơ sở đó, Viện trưởng Viện Khoa học tổ chức nhà nước xem xét, ra quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ;

d) Đối với các nhiệm vụ xếp loại không đạt, chủ nhiệm có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện các kết quả nghiên cứu theo ý kiến đóng góp của Hội đồng nghiệm thu trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày họp nghiệm thu lần thứ nhất. Thủ tục nghiệm thu lần thứ hai được tiến hành như lần thứ nhất. Toàn bộ kinh phí cho việc tổ chức nghiệm thu lần thứ hai do chủ nhiệm và đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm. Quá thời hạn 60 ngày nói trên, nếu chủ nhiệm không hoàn thiện kết quả nghiên cứu để tiến hành nghiệm thu lần thứ hai, Viện khoa học tổ chức nhà nước kiến nghị Bộ trưởng Bộ Nội vụ có hình thức xử lý trách nhiệm và tiến hành thanh lý hợp đồng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo quy định hiện hành của pháp luật;

đ) Nếu nghiệm thu lần thứ hai không đạt, Viện khoa học tổ chức nhà nước kiến nghị Bộ trưởng Bộ Nội vụ cho phép thanh lý hợp đồng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 17. Thông tin kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ

1. Sau khi được nghiệm thu và công nhận, các đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ có trách nhiệm đăng tải báo cáo tóm tắt các kết quả nghiên cứu trên Website của Bộ Nội vụ hoặc của Viện Khoa học tổ chức nhà nước.

2. Viện Khoa học tổ chức nhà nước có trách nhiệm báo cáo cơ quan lãnh đạo, quản lý có thẩm quyền về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ thuộc phạm vi quản lý.

Điều 18. Lưu trữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ

1. Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ có trách nhiệm nộp lại cho Viện Khoa học tổ chức nhà nước 04 bộ sản phẩm kết quả nghiên cứu đã được sửa chữa, hoàn thiện theo yêu cầu của Hội đồng nghiệm thu. Mỗi bộ sản phẩm bao gồm: Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, các sản phẩm khoa học trung gian, đĩa CD (DVD) ghi lại các kết quả và sản phẩm nghiên cứu (nếu có).

2. Hồ sơ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ được lưu trữ tại Phòng Quản lý khoa học thuộc Viện khoa học tổ chức nhà nước, bao gồm:

- a) Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu;
- b) Văn bản đánh giá của 2 ủy viên phản biện;
- c) Phiếu đánh giá, xếp loại của các thành viên hội đồng có mặt;
- d) Biên bản nghiệm thu, đánh giá;
- d) Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ;
- e) Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt, các sản phẩm khoa học trung gian;
- g) 01 bộ đĩa CD (DVD) ghi lại các kết quả và sản phẩm nghiên cứu.

Chương V

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ,

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ, CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ

Điều 19. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan quản lý khoa học thuộc Bộ

1. Viện Khoa học tổ chức nhà nước có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Nội vụ:

- a) Xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ 5 năm và hàng năm của Bộ trình Bộ trưởng ký ban hành (sau khi thống nhất với Vụ Kế hoạch – Tài chính);
- b) Tổ chức tuyển chọn đơn vị hoặc cán bộ, công chức, viên chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ;
- c) Chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch – Tài chính thẩm định dự toán kinh phí trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt giao thực hiện nhiệm vụ;

d) Tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ; tổ chức đánh giá nghiệm thu hoặc tiến hành thanh lý hợp đồng nghiên cứu khoa học, công nghệ;

đ) Kiểm tra việc tuân thủ các quy định pháp luật về sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học của chủ nhiệm nhiệm vụ;

e) Khi cần thiết, kiến nghị với Hội đồng khoa học Bộ Nội vụ:

- Điều chỉnh nội dung, kinh phí, thời gian, đơn vị chủ trì, chủ nhiệm.
- Chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và hình thức xử lý vi phạm.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Viện Khoa học tổ chức nhà nước thẩm định dự toán kinh phí;

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát chế độ chi tiêu và thanh quyết toán hàng năm.

Điều 20. Trách nhiệm, quyền hạn của đơn vị chủ trì và chủ nhiệm

1. Đơn vị chủ trì

a) Đơn đốc, kiểm tra, giám sát và tạo điều kiện thuận lợi để chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ theo đúng nội dung, tiến độ trong thuyết minh, hợp đồng;

b) Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ theo định kỳ và đột xuất;

c) Khi cần thiết, đề nghị Viện Khoa học tổ chức nhà nước báo cáo Hội đồng khoa học Bộ cho phép điều chỉnh nội dung, kinh phí, thời gian hoặc thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ.

2. Chủ nhiệm

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ theo thuyết minh và hợp đồng; sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học theo đúng quy định, có hóa đơn, chứng từ hợp lệ và quyết toán tài chính theo quy định;

b) Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ theo định kỳ và đột xuất;

c) Tổ chức việc đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ ở cấp cơ sở;

d) Đề xuất thay đổi nội dung, kinh phí, thời gian thực hiện nhiệm vụ và chỉ được thực hiện những thay đổi khi có sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan quản lý;

đ) Ký kết hợp đồng với các tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài đơn vị để triển khai nội dung nhiệm vụ theo đúng quy định hiện hành.

Điều 21. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Các đơn vị hoặc cán bộ, công chức, viên chức thuộc Bộ Nội vụ có nhiều thành tích đóng góp cho hoạt động khoa học, công nghệ sẽ được khen thưởng, phong

tặng các danh hiệu vinh dự nhà nước theo quy định của pháp luật. Viện Khoa học tổ chức nhà nước có trách nhiệm tổ chức việc xét thưởng, đề nghị Bộ trưởng Bộ Nội vụ khen thưởng, trao giải thưởng khoa học, công nghệ của Bộ cho đơn vị hoặc cán bộ, công chức, viên chức có thành tích xuất sắc trong hoạt động khoa học, công nghệ.

2. Đơn vị hoặc cán bộ, công chức, viên chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ vi phạm hợp đồng nghiên cứu khoa học sẽ bị xử lý theo quy định của hợp đồng khoa học và của pháp luật về hợp đồng. Đơn vị hoặc cán bộ, công chức, viên chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước vi phạm nghiêm trọng hợp đồng khoa học hoặc không có khả năng hoàn thành nhiệm vụ sẽ bị chấm dứt hợp đồng, tiến hành thanh quyết toán và phải hoàn lại kinh phí đã nhận.

3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ là một tiêu chuẩn để bình xét danh hiệu thi đua hằng năm của đơn vị chủ trì và cán bộ, công chức, viên chức chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học, công nghệ.

Chương VI


TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Phân cấp thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ

Đối với các đơn vị trực thuộc Bộ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước mang tính đặc thù, Viện khoa học tổ chức nhà nước kiến nghị Bộ trưởng Bộ Nội vụ quyết định phân cấp việc quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ để phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Việc sửa đổi, bổ sung các điều, khoản trong Quy chế này do Viện trưởng Viện Khoa học tổ chức nhà nước đề nghị, trình Bộ trưởng Bộ Nội vụ xem xét quyết định./.

KT. BỘ TRƯỞNG
CHỖ TRƯỞNG

Vân Tất Thu